

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/DS-ST.
Ngày: 26 - 6 -2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý.
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 719/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Ngọc H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số I, Tổ A, Khu I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng H1, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Ngọc H theo Giấy ủy quyền ngày 02/11/2023. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B, Tổ B, Khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Mai Thanh L, sinh năm 1990; địa chỉ: Số D đường L, Tổ H, Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Châu Thị Ngọc G, sinh năm 1985; địa chỉ: 7 L, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết, ý kiến nguyên đơn do đại diện hợp pháp bà Nguyễn Hồng H1 trình bày:

Ngày 09/5/2021, ông Nguyễn Hữu T có mượn bà Lý Ngọc H số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn. Việc mượn tiền có lập Giấy mượn nợ ngày 09/5/2021 với sự làm chứng của bà Châu Thị Ngọc G. Giấy mượn nợ ghi tên người mượn là ông Nguyễn Hữu T và bà Mai Thanh L nhưng thực tế chỉ có ông T là người mượn, bà L không có liên quan. Ông T có hứa khi nào bà H cần tiền thì báo trước, ông T sẽ trả lại tiền cho bà H. Để làm tin ông T có giao cho bà H giữ 01 bản chính sổ hộ khẩu của ông T, sau đó bà Mai Thanh L có yêu cầu bà H cho mượn lại sổ hộ khẩu của ông T để ông làm giấy tờ và sau đó bà Mai Thanh L đã đưa lại sổ hộ khẩu cho bà H giữ.

Từ đó đến nay, bà H đã nhiều lần liên hệ ông T yêu cầu trả số tiền vay nhưng ông T luôn né tránh. Ngày 05/4/2023, bà H gửi thông báo yêu cầu ông T trả nợ, ông T có nhận được nhưng cũng không có ý kiến phản hồi hay thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nhận thấy, hết thời hạn theo thông báo ngày 05/4/2023 mà ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên bà H khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền nợ 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho bị đơn ông Nguyễn Hữu T tại địa chỉ số B, Tổ B, Khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng bị đơn ông T từ chối nhận văn bản tố tụng mặc dù ông T được xem và đọc các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt và ông T cũng không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thanh L: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý bổ sung, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thanh L; tại địa chỉ số D đường L, Tổ H, Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Qua xác minh tại Công an phường P thì bà L có đăng ký thường trú tại số D đường L, Tổ H, Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng không thường xuyên về nhà, bà L không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Châu Thị Ngọc Giàu c lời khai: Bà Châu Thị Ngọc G là hàng xóm với bà Lý Ngọc H, bà Mai Thanh L. Ông Nguyễn Hữu T là bạn trai

của bà Mai Thanh L. Ngày 09/5/2021, ông T có hỏi mượn bà Lý Ngọc H số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn thông qua sự giới thiệu của bà L và bà G. Việc mượn tiền của bà H và ông T có lập Giấy mượn nợ ngày 09/5/2021, bà Châu Thị Ngọc G là người làm chứng. Chữ viết tay trên giấy mượn nợ là của ông Nguyễn Hữu T. Giấy mượn nợ ghi tên người mượn là ông T và bà Mai Thanh L nhưng thực tế theo tôi nghe nói chỉ có ông T là người mượn, bà L không có liên quan. Ông T có hứa khi nào bà H cần tiền thì báo trước cho ông T, ông T sẽ trả cho bà H. Việc mượn tiền có thỏa thuận lãi miệng giữa bà H và ông T là 2.500.000đồng/tháng theo như bà H trình bày là đúng sự thật. Việc trả lãi của ông T và bà H thì tôi không rõ. Và việc ông T có giao cho bà H giữ 01 bản chính sổ hộ khẩu của ông T, bà L có mượn lại sổ hộ khẩu cho ông T để ông T làm giấy tờ thì tôi không biết. Việc bà H khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền nợ 50.000.000đồng thì tôi không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tôi chỉ biết việc vay mượn và làm chứng cho ông T và bà H lúc hai bên xác lập giao dịch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, riêng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là không chấp hành đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lý Ngọc H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Hữu T. Ông T có địa chỉ cư trú tại số B, Tổ B, Khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Hữu T tại địa chỉ cư trú số 266/15/3, Tổ B, Khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và bà Mai Thanh L tại địa chỉ cư trú số D đường L, Tổ H, Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng ông Nguyễn Hữu T và bà Mai Thanh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai xem như đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn bà Lý Ngọc H và người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b Khoản

2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[3] Xét thấy, Giấy mượn nợ ngày 09/5/2021 có nội dung số tiền mượn là 50.000.000đồng, thời gian mượn kể từ ngày 09/5/2021; bên mượn tiền là ông Nguyễn Hữu T và bà Mai Thanh L, tại mục bên mượn tiền cuối đơn có chữ ký của ông T và bà L và bên cho mượn tiền có tạm giữ 01 sổ hộ khẩu để làm tin. Giấy mượn có người làm chứng là bà Châu Thị Ngọc G ký và ghi rõ họ và tên.

Nguyên đơn cho rằng bên mượn tiền chỉ có ông T còn bà L chỉ là người làm chứng và không liên quan đến việc mượn tiền nên nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T phải trả số tiền là 50.000.000đồng.

[4] Xem xét Giấy mượn nợ ngày 09/5/2021 thể hiện rõ bên mượn tiền là ông Nguyễn Hữu T và bà Mai Thanh L được ông T và bà L ký và ghi rõ họ tên. Mặt khác, việc nguyên đơn thừa nhận có việc bà L mượn lại sổ hộ khẩu cho ông T để làm giấy tờ và sau đó chính bà L là người đã giao lại sổ hộ khẩu của ông T cho nguyên đơn tiếp tục giữ nên ý kiến trình bày của nguyên đơn là mâu thuẫn với việc nguyên đơn cho rằng bà L chỉ là người làm chứng, không có liên quan đến việc mượn tiền. Giấy mượn tiền thể hiện rõ mục bên mượn tiền và người làm chứng, ông T và bà L ký và ghi rõ họ tên tại mục bên mượn tiền. Việc nguyên đơn cho rằng bà L có sự nhầm lẫn giữa người làm chứng và người mượn tiền là không có cơ sở xem xét.

Giấy mượn tiền có mục người làm chứng đã được bà Châu Thị Ngọc G ký và ghi rõ họ tên. Do đó, có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tiền không có thời hạn giữa bà H và bà L, ông T. Quá trình khởi kiện, bà H đã gửi thông báo trả nợ cho ông T nhưng việc ông T, bà L không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ nên bà H khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền nợ 50.000.000đồng là có căn cứ xem xét chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 288, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông T từ chối nhận văn bản tố tụng, không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đã thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn hay chưa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thanh L dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời khai của người làm chứng là bà Châu Thị Ngọc Giàu c căn cứ buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Mai Thanh L có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lý Ngọc H số tiền 50.000.000đồng theo Giấy mượn nợ ngày 09/5/2021.

[5] Nguyên đơn bà Lý Ngọc H thừa nhận có giữ 01 bản chính sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Hữu T theo Giấy mượn nợ ngày 09/5/2021 nên cần buộc bà Lý Ngọc H phải giao trả lại bản chính sổ hộ khẩu cho ông Nguyễn Hữu T.

[6] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 50.000.000đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Lý Ngọc H và bà Mai Thanh L phải liên đới chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Ngọc H đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Hữu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thanh L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lý Ngọc H số tiền mượn là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo Giấy mượn nợ ngày 09/5/2021, không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Lý Ngọc H phải giao trả cho ông Nguyễn Hữu T 01 bản chính sổ hộ khẩu mang tên ông Nguyễn Hữu T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu T và bà Mai Thanh L phải liên đới chịu số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Lý Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000471 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân